

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **428/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/9/2024

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang

2. Bà Lê Thị N Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên;

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2024/QĐXXST-HN ngày 27/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Đặng Văn N**, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp ĐP, xã TB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Lợi Thị Hồng N**, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp ĐP, xã TB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Đặng Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lợi Thị Hồng N qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB ngày 30/7/2004. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, do chị N có thái độ xem thường, nhục mạ danh dự anh và ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 03 con chung:

- Đặng Thị A, sinh ngày 22/5/1997
- Đặng B, sinh ngày 16/7/2001;
- Đặng Thị C, sinh ngày 02/9/2009;

Hiện nay 03 con chung đang sống với anh chị, khi ly hôn anh đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi cháu Đặng Thị C, anh không cấp dưỡng cho cháu Duy, 02 cháu Đặng Thị A và Đặng B đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn chị Lợi Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Đặng Văn N qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB ngày 30/7/2004. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N ra ngoài đi chơi với người phụ nữ khác, chị ghen tuông có nói nặng lời, nhưng mâu thuẫn không lớn có thể sửa chữa được. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị muốn các con có được gia đình trọn vẹn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung:

- Đặng Thị A, sinh ngày 22/5/1997
- Đặng B, sinh ngày 16/7/2001;
- Đặng Thị C, sinh ngày 02/9/2009;

Hiện nay 03 con chung đang sống với anh chị, nếu Toà cho anh N ly hôn chị đồng ý được tiếp tục nuôi cháu Đặng Thị C, yêu cầu anh N cấp dưỡng cho cháu Duy mỗi tháng 2.000.000đồng. Đối với 02 cháu Đặng Thị A và Đặng B đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có;

Tại phiên tòa, anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, không tranh chấp tài sản chung và khai không có nợ chung. Anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi cháu Đặng Thị C tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Chị Lợi Thị Hồng N không đồng ý ly hôn, không yêu cầu chia tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung. Nếu Toà cho anh N ly hôn đề nghị giao cháu Duy cho chị trực tiếp nuôi, yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do anh N xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị N do ghen tuông nên có thái độ và lời nói không tôn trọng anh N, tại toà anh chị có mâu thuẫn trầm trọng, không có tiếng nói chung, hiện anh N không còn tình cảm, nên đề nghị Tòa cho anh N được ly hôn;

Về con chung: Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và sự ổn định cho cháu Đặng Thị C nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Duy cho chị N tiếp tục nuôi, buộc anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của anh N, chị N tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đặng Văn N và chị Lợi Thị Hồng N qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB vào ngày 30/7/2004 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân anh N xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, sống không hòa hợp, anh N khai do chị N có thái độ xem thường, không còn tôn trọng anh, không tôn trọng bản bề anh, ghen tuông mù quáng, thường xuyên ra bên ngoài nói xấu anh với người khác làm mất mặt anh, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, anh không thể tiếp tục sống chung với chị N được, anh đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Phía chị N không đồng ý ly hôn, khai do anh N có hành vi ngoại tình, có người khác bên ngoài nên về ly hôn với chị, chị còn tình cảm với anh N, chị muốn gia đình trọn vẹn cho con cái có đủ cha mẹ, nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chị không có biện pháp thuyết phục anh N hàn gắn và lý do chị muốn con chị có đủ cha mẹ là chưa phù hợp. Bởi lẽ, đây là vấn đề tình cảm vợ chồng, ly hôn nhau nhưng trách nhiệm con cái các bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau, tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận thấy anh N không còn chút tình cảm nào muốn hàn gắn với chị, đã sống ly thân nên cần cho anh chị ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống riêng là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 03 con chung

- Đặng Thị A, sinh ngày 22/5/1997

- Đặng B, sinh ngày 16/7/2001

- Đặng Thị C, sinh ngày 02/9/2009

Hiện nay 03 con chung đang sống với anh chị, anh N đồng ý giao cháu Đặng Thị C cho chị N trực tiếp nuôi theo nguyện vọng của cháu, nhưng không đồng ý cấp dưỡng mức 2.000.000 đồng/tháng. Chị N thì yêu cầu nếu Tòa cho anh N ly hôn, chị đồng ý được tiếp tục nuôi cháu Đặng Thị C, yêu cầu anh N cấp dưỡng cho cháu Duy mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đối với 02 cháu Đặng Thị A và Đặng B đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì.

Hội đồng xét xử nhận thấy, anh N chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng là không có cơ sở. Bởi vì hiện tại cháu Duy đang còn học hành, không lao động được, cần đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định nên cần buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho cháu Đặng Thị C theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N trực tiếp nuôi con anh N có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Văn N đối với chị Lợi Thị Hồng N.*

2. *Về con chung:* Giao con chung Đặng Thị C, sinh ngày 02/9/2009 cho chị N được tiếp tục nuôi, anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Duy mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi trưởng thành, lao động được. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực

Anh N có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ

luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận;

4. *Về nợ chung*: Không có.

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0007790 ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

6. *Quyền kháng cáo*: Anh N và chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã TB;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Mỹ Lili